

LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 150

LUẬN VỀ XÚC (Phần 2)

Nếu lúc Thiên nhãn hiện rõ ở trước mắt, thì mắt do sinh ra mà được, có đoạn hay không? Nếu đoạn thì tại sao sắc sinh ra không do dị thực, đoạn rồi lại nối tiếp? Bởi vì A-tỳ-đạt-ma không muốn làm cho sắc sinh do dị thực đoạn rồi nối tiếp. Nếu không đoạn thì Thiên nhãn và mắt do sinh ra mà được, cả hai đều nhìn thấy sắc, tại sao không rối loạn?

Đáp: Nên nói là không đoạn, bởi vì sắc dị thực đoạn rồi không nối tiếp.

Vì vậy Tôn giả Diệu Âm đưa ra câu hỏi như vậy: “Lúc Thiên nhãn hiện rõ ở trước mắt thì mắt do sinh ra mà được nên nói là đoạn, hay là không đoạn? Trả lời: Nên nói là không đoạn, bởi vì ngay nơi này có Đại chủng của cõi Sắc và Thiên nhãn đã tạo ra cùng hiện rõ ở trước mắt.”

Hỏi: Nếu như vậy thì Thiên nhãn và mắt do sinh ra mà được, cả hai đều nhìn thấy sắc, tại sao không rối loạn?

Đáp: Lúc Thiên nhãn khởi lên thì mắt do sinh ra mà được, trú trong Đồng phần của mắt ấy (Bỉ đồng phần), cho nên không có lỗi. Ví như lúc Thức khác hiện rõ ở trước mắt, tuy không nhìn thấy sắc mà mắt không đoạn, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao không cùng nhìn thấy?

Đáp: Bởi vì trong một thân không có hai Thức cùng lúc khởi lên, lúc bấy giờ Thức dựa vào Thiên nhãn chứ không dựa vào mắt do sinh ra mà được.

Có người nói: Có sắc không phải là cảnh của mắt do sinh ra mà được, bởi vì nhìn thấy sắc ấy cho nên khởi lên Thiên nhãn hiện rõ trước mắt, vào lúc bấy giờ mắt do sinh ra mà được tuy không đoạn nhưng không có tác dụng, vì vậy không cùng nhìn thấy.

Có người nói: Lúc Thiên nhãn khởi lên thì mắt do sinh ra mà được

sẽ đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao sắc sinh ra không do dị thực, đoạn rồi có thể nối tiếp? Như vậy thì trái với cách nói của A-tỳ-đạt-ma.

Đáp: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn trong thời gian ngắn.
2. Đoạn đến cuối cùng.

Đoạn trong thời gian ngắn thì có thể nối tiếp chứ không phải là đoạn đến cuối cùng, vì vậy không có lỗi.

Có người nói: Lúc bấy giờ mắt do sinh ra mà được diệt đi- Thiên nhãn phát sinh, Thiên nhãn diệt đi - mắt do sinh ra mà được phát sinh, bởi vì Nhãn căn trong thân ấy chưa từng trống rỗng, cho nên không thể nói là đoạn.

Có người nói: Lúc ấy mắt do sinh ra mà được sẽ đoạn cũng không có lỗi, bởi vì cũng có sắc sinh ra do dị thực, đoạn rồi nối tiếp. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như trong kinh nói: “Vị vua Nhất Thiết Thí lập tức đưa tay tự móc hai mắt mình thí cho Bà-la-môn. nhờ vào Tư nguyện thù thắng khiến cho mắt bình phục.” Lại như kinh nói: “Người hành ác lúc bấy giờ dùng móc sắt Khiết-địa-la móc mắt của người hành thiện, cũng nhờ vào Tư nguyện thù thắng của Bồ-tát cho nên trở lại có được Nhãn căn.” Luận Thi Thiết nói: “Địa ngục có núi đê chắc hữu tình làm cho thân nát vụn, sau đó không lâu các căn lại sinh ra, trong các địa ngục thì loại này không phải là một.” Vì vậy biết rằng sắc do dị thực sinh ra đoạn rồi có thể nối tiếp.

Nói như vậy thì lúc Thiên nhãn khởi lên, mắt do sinh ra mà được sẽ không diệt đi, sắc dị thực đoạn đoạn rồi cũng không có nghĩa nối tiếp.

Hỏi: Sự việc đã dẫn chứng trước đây nên hiểu thế nào?

Đáp: Điều ấy không trái ngược nhau, bởi vì có nghĩa riêng biệt, tức là đã nói như vị vua Nhất Thiết Thí, lúc bấy giờ chỉ do tâm bố thí thành tựu tròn đầy, cho nên đưa ra cách nói này chứ thật sự là chưa móc mắt. Sự việc ấy là thế nào? Nghĩa là “Ngày xưa, lúc Đức Phật làm Bồ-tát, từng làm vị Quốc Vương tên gọi Nhất Thiết Thí, có thể thỏa mãn ý muốn của tất cả những người đến cầu xin, tên gọi này lưu truyền khắp nơi trên cõi trời- giữa loài người, lúc ấy Thiên Đế Thích biết rồi nghĩ rằng: Vị vua ấy bố thí không hề mệt mỏi như vậy, vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hay vì mong danh dự ở thế gian-ngôi vị cõi trời? Nếu mong ngôi vị cõi trời thì có lẽ là kẻ thù của mình, nên đến tìm hiểu để biết ý bố thí của vị ấy. Liền tự hóa làm thân Bà-la-môn, đội mũ trùm

khăn, đeo gươm bằng vàng, tay cầm gậy bằng vàng, đi đến trước mặt nhà vua, cầu nguyện cho nhà vua thường được tôn quý thù thắng. Nhà vua nói Phạm Chí đến cầu xin điều gì? Đáp rằng: Tôi đến đây chính là muốn có đôi mắt của nhà vua. Nhà vua lấy bốn vật báu làm mắt thí cho nhưng người ấy không nhận mà nói rằng: Nay tôi cần đến mắt chứ đâu cần những vật này làm gì. Nhà vua nghe vậy rồi liền đưa hai tay muốn tự mình móc mắt. Đế Thích biết tâm bố thí của nhà vua đã được quyết định, liền ngăn nhà vua và nói rằng: Muốn cầu điều gì mà có thể bố thí điều khó bố thí, vì cầu ngôi vị Thích-Phạm-Ma vương, hay là vì mong danh dự quy kính của thế gian? Nhà vua nói: Những điều này đều không phải là sự mong cầu của tôi, chỉ có Ứng Chánh Đẳng Giác lia khỏi sinh lão bệnh tử là điều nguyện cầu của tôi. Thiên Đế nghe rồi liền trở lại hình dáng của mình, ca ngợi nhà vua rằng: Thật sự là Bồ-tát không bao lâu chắc chắn đạt được Vô thượng Bồ-đề. Nói lời này xong, bỗng nhiên không còn thấy nữa.” Vì vậy, vị vua ấy lúc bấy giờ thật sự là chưa móc mắt.

Lại nữa, người ấy đã dẫn kinh nói về hành thiện- hành ác, Nhân căn của người hành thiện có chủng tử còn lại, nhờ vào Tư nguyện thù thắng trước đây đã đầy đủ trọn vẹn thù thắng; trong các địa ngục cũng cùng cách giải thích này. Nếu không có chủng tử còn lại thì không có thể sinh ra, cho nên sắc dị thực đoạn rồi không có lý nào nối tiếp. Vì vậy lúc Thiên nhân hiện rõ ở trước mắt thì mắt do sinh ra mà được, không đoạn mất.

Hỏi: Như sinh ở cõi Dục mà khởi lên Thiên nhân, sinh ở cõi Sắc cũng khởi lên hay không?

Đáp: Có người nói: Không khởi lên, bởi vì trong cõi Sắc tùy theo mắt do sinh ra mà được đã nhìn thấy nhiều ít, mắt do tu mà được cũng như vậy, không có tác dụng khác biệt, cho nên không khởi lên.

Nói như vậy thì cũng khởi lên hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Cùng khởi lên với mắt do sinh ra mà được lại có tác dụng gì?

Đáp: Muốn dạo chơi chung với Tuệ cho nên khởi lên hiện rõ trước mắt. Vả lại, thân Trung Hữu không phải là cảnh của mắt do sinh ra mà được, cho nên khởi lên Thiên nhân quán xét về sự sai biệt của Trung Hữu.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục mà khởi lên Thiên nhân là mạnh hơn, hay sinh ở cõi Sắc mà khởi lên là mạnh hơn?

Đáp: Cõi Dục đã khởi lên, bởi vì mạnh mẽ cho nên mạnh hơn, ng-

hĩa là Phật- Độc giác- Thanh văn đến cuối cùng đã khởi lên Thiên nhãn có tác dụng mạnh mẽ, không phải là sinh ở cõi Sắc mà có năng lực hiện rõ trước mắt. Cõi Sắc đã khởi lên, bởi vì sở y cho nên mạnh hơn, nghĩa là ở cõi ấy dựa vào thân to lớn thù thắng tuyệt vời, đã khởi lên Thiên nhãn do nhiều cực vi tạo thành, không phải là trong cõi Dục mà có thể khởi lên mắt này, cho nên hai cõi khởi lên đều có mạnh-yếu.

Hỏi: Thiên nhãn do tu mà được và mắt do sinh ra mà được, có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là tên gọi thuộc Thiên nhãn, tên gọi thuộc mắt do sinh ra mà được.

Có người nói: Thể cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được, có Đồng phần và Bĩ đồng phần; Thiên nhãn do tu mà được chỉ là Đồng phần.

Vả lại, mắt do sinh ra mà được bao gồm sự nuôi lớn và dị thực sinh, Thiên nhãn do tu mà được chỉ là sự nuôi lớn.

Có người nói: Nhân cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được là quả thuộc về Nghiệp, Thiên nhãn do tu mà được là quả thuộc về Tu.

Hỏi: Lẽ nào không phải mắt do sinh ra mà được cũng là quả thuộc về Tu hay sao? Đáp: Mắt ấy phần ít là quả thuộc về Tu, phần ít là quả dị thực thuộc về Trí do sinh ra mà được; Thiên nhãn chỉ là quả thuộc về Tu.

Có người nói: Thiên nhãn nhờ vào lực tác ý gia hạnh mới được hiện rõ trước mắt, mắt do sinh ra mà được thì không như vậy.

Có người nói: Quả cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được làm sở y cho Thức thiện- nhiễm và vô ký, Thiên nhãn do tu mà được chỉ làm sở y cho Thức vô ký.

Có người nói: Cảnh cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được, không nhìn thấy Trung Hữu; Thiên nhãn do tu mà được, có năng lực nhìn thấy Trung Hữu.

Có người nói: Dụng cũng có khác nhau, đó là Thiên nhãn do tu mà được so với mắt do sinh ra mà được, có tác dụng mạnh mẽ vi diệu thù thắng, thanh tịnh sáng tỏ nhanh nhạy vi tế, cho nên có sai biệt.

Hỏi: Một niệm có thể khởi lên mấy Thông quả (quả thuộc thần thông)?

Đáp: Những người có ý muốn làm cho sự hóa hiện không có lưu lại, Thiên nhãn-Thiên nhĩ không có Bĩ đồng phần, họ nói một niệm chỉ khởi lên một Thông quả, đó là năm thần thông tùy theo một. Những

người có ý muốn làm cho sự hóa hiện có lưu lại, Thiên nhãn-Thiên nhĩ không có Bĩ đồng phần, họ nói một niệm có thể khởi lên hai Thông quả, đó là Thần cảnh thông quả và tùy theo một trong bốn loại còn lại. Những người có ý muốn làm cho sự hóa hiện có lưu lại, Thiên nhãn-Thiên nhĩ có Bĩ đồng phần, họ nói một niệm có thể khởi lên bốn Thông quả, đó là Thần cảnh thông quả- Thiên nhãn- Thiên nhĩ và tùy theo một trong hai loại còn lại, đó là Tha tâm thông- Túc trú tùy niệm thông, bởi vì cảnh giới khác nhau cho nên không khởi lên cùng lúc.

Nói như vậy thì nên biết rằng cách nói thứ hai là hợp lý, bởi vì sự hóa hiện có thể lưu lại, Thiên nhãn- Thiên nhĩ chắc chắn không có Bĩ đồng phần, chủ yếu vào lúc tác dụng thì mới hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Sắc đã hóa hiện ở cõi Dục có bốn loại, đó là quả thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho đến quả thuộc Tĩnh lự thứ tư, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà đạt được Thiên nhãn, thì có thể thấy đầy đủ bốn loại sắc chăng?

Đáp: Có người nói: Thấy đầy đủ đều là do Sắc xứ của cõi Dục thâm nhiếp.

Có người nói: Chỉ thấy quả thuộc Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là nơi khác, bởi vì nhân mạnh hơn cho nên giống như nhân chứ không phải là cảnh, quả cũng thuận theo như vậy. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của quả thuộc hai Tĩnh lự trước chứ không phải là nơi khác; dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của quả thuộc ba Tĩnh lự trước chứ không phải là nơi khác; dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy đầy đủ sắc của quả thuộc bốn Tĩnh lự.

Nói như vậy thì đó là cách nói thứ nhất, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất; cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của cõi Dục và bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của cõi Dục và bốn Tĩnh lự, là mắt thấy sắc của cõi Dục lập tức thấy sắc của địa khác, hay là lại khởi lên mắt khác thấy sắc của địa khác? Nếu mắt thấy sắc của cõi Dục lập tức thấy sắc của địa khác, thì làm sao một mắt mà có thể thấy hai cảnh thô-tế? Nếu lại khởi lên mắt khác thấy sắc của địa khác, thì Thiên nhãn của Tĩnh lự thứ tư phải có năm loại, tất cả chỉ thấy sắc của một địa, thì không nên nói là Thiên nhãn của địa này lấy năm địa làm cảnh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Ngay mắt thấy sắc của cõi Dục, có thể thấy các sắc của địa khác.

Hỏi: Làm sao một mắt mà có thể thấy hai cảnh thô-tế?

Đáp: Điều này cũng không có lỗi, như thấy núi lớn thì sắc thô-tế cùng lúc có thể thấy. Thấy sắc thô là như thấy cây lớn nhiều cành, thấy sắc tế là như thấy cỏ nhỏ ở trong đó. Như vậy, một mắt của Tĩnh lự thứ tư có thể thấy các sắc của năm địa, nào có lỗi gì?

Có Sư khác nói: Mắt thấy sắc của cõi Dục có khác, cho đến mắt thấy sắc của Tĩnh lự thứ tư có khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thiên nhãn của Tĩnh lự thứ tư phải có năm loại, tất cả chỉ thấy sắc của một địa, thì không nên nói là Thiên nhãn của địa này lấy năm địa làm cảnh?

Đáp: Thiên nhãn của một địa có năm loại khác nhau cũng không có lỗi. Dựa theo chủng loại của địa, nói chung là một mắt thấy cảnh của năm địa, tất cả ở trong đó mà thấy đều khác nhau.

Như chương Định Uẩn nói: “Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào?”

Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Phạm Thế. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào? Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Cực Quang Tịnh. Dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào? Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Biến Tịnh. Dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào? Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Quảng Quả.”

Hỏi: Chiều ngang xa nhất nhìn thấy được bao nhiêu?

Đáp: Có người nói: Như nhìn thấy phía trên. Có người nói: Chiều ngang nhìn thấy thì rộng.

Nói như vậy thì văn ấy tạm thời nói đến phạm vi nhìn thấy phía trên, không nói đến cảnh thuộc chiều ngang. Nhưng tùy theo thế lực của căn nhìn thấy theo chiều ngang không nhất định, có xa- có gần như nơi khác nói.

Luận Thi Thiết nói: “Như cõi trời Tứ Đại Vương Chúng dùng trí-dùng kiến để hiểu rõ đối với loài người, loài người đối với cõi trời Tứ Đại Vương Chúng thì không có thể như vậy, trừ ra có tu - có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác; cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại đối với loài người cũng như vậy, nghĩa là cõi trời Tứ Đại Vương Chúng...cũng là cảnh thuộc mắt của loài người, bởi vì hệ thuộc cùng một cõi. Nhưng bởi vì rất xa cho nên không thể nào nhìn thấy, nếu đạt được thần thông thì tự mình có thể đi đến nhìn thấy, hoặc là nhờ vào lực khác dẫn đến nơi ấy thì có thể nhìn thấy.”

Hỏi: Nếu chư Thiên cõi ấy đến nơi này thì có thể nhìn thấy hay không?

Đáp: Nhìn thấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong luận ấy vì sao không nói?

Đáp: Bởi vì cảnh giới ít cho nên không nói. Lại nữa, đây chính là thâm nhiếp ở trong lực khác dẫn dắt, cho nên không nói riêng biệt.

Lại trong luận ấy nói: “Như cõi trời Phạm Chúng dùng trí - dùng kiến để hiểu rõ đối với loài người, loài người đối với cõi trời Phạm Chúng thì không có thể như vậy, trừ ra có tu- có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác; cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh đối với loài người cũng như vậy.”

Hỏi: Luận ấy đã nói là trừ ra có tu thì sự việc này có thể như vậy, tại sao có thể nói là trừ ra có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác? Nguyên cố thế nào? Bởi vì tuy là có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác dẫn dắt có thể đến được cõi trời ấy, nhưng nếu không có Thiên nhãn thì không có thể nhìn thấy; nếu có Thiên nhãn thì tuy không đến cõi trời ấy mà cũng có thể nhìn thấy.

Đáp: Luận ấy chỉ cần nói là trừ ra có tu, mà lại nói có những loại khác, là có ý nghĩa khác. Đó là dựa vào những Phạm Thiên ở phương khác mà nói, sắc của những Phạm Thiên ở phương khác cũng là dựa vào những cảnh giới như Tĩnh lự thứ nhất... của phương này mà dẫn đến Thiên nhãn, nhưng bởi vì rất xa cho nên tuy đạt được mắt ấy mà không có thể nhìn thấy cõi ấy. Nếu tự mình có thần thông, hoặc là nhờ vào lực khác mà dẫn đến cõi ấy thì mới có thể dùng Thiên nhãn để nhìn thấy. Trừ ra có tu là hiển bày về đạt được Thiên nhãn, nói đến hai câu sau là hiển bày về Nhân đến được cõi ấy, cho nên luận ấy đã nói là có ý nghĩa khác.

Luận Thi Thiết ấy lại đưa ra cách nói này: “Trong Tĩnh lự thứ nhất có ba cõi trời, đó là Phạm Chúng- Phạm Phụ và Đại Phạm Thiên.”

Hỏi: Ba cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau.

Hỏi: Trong kinh đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Phạm Vương có được tự Thể giống như hình dáng của Đồng tử, không phải là cảnh giới của Thiên nhãn cõi Phạm Chúng.”

Đáp: Là cảnh của mắt ở cõi ấy mà do lực thần thông của Đại Phạm Vương đã ngăn che khiến cho chư Thiên cõi ấy không nhìn thấy.

Tĩnh lự thứ hai có ba cõi trời, đó là Thiểu Quang- Vô Lượng Quang và Cực Quang Tịnh.

Hỏi: Ba cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau.

Tĩnh lực thứ ba có ba cõi trời, đó là Thiểu Tịnh- Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh.

Hỏi: Ba cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau.

Tĩnh lực thứ tư có tám cõi trời, đó là đó là Vô Vân- Phước Sinh- Quảng Quả, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh.

Hỏi: Tám cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau, bởi vì hệ thuộc cùng một cõi.

Luận Pháp Uẩn nói: “Ở xung quanh mắt có thời gian-có phạm vi, Đại chủng của cõi Sắc đã tạo ra Thiên nhãn thanh tịnh hiện rõ trước mắt, nhờ vào Thiên nhãn này có thể nhìn thấy các sắc sai biệt ở trước sau- trái phải- trên dưới. Nhìn thấy các sắc trước sau- trái phải, bởi vì không phải là do tường-đá... mà chướng ngại. Nhìn thấy các sắc phía dưới, bởi vì không phải là do đất-nước...mà chướng ngại. Nhìn thấy các sắc phía trên, bởi vì không phải là do mây mù...mà chướng ngại.”

Hỏi: Thiên nhãn như vậy có thể ở trong một lúc lập tức nhìn thấy cảnh của các sắc ở mười phương hay không?

Đáp: Có người nói: Có thể nhìn thấy, bởi vì Nhãn căn của loài trời sáng ngời trong suốt, tự nhiên soi chiếu khắp nơi; như ngọc quý Mặt-ni phát ra ánh sáng khắp nơi. Có người nói: Không có thể trong một lúc lập tức nhìn thấy khắp nơi.

Hỏi: Luận Pháp Uẩn đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói đến Thiên nhãn không ngăn cách bởi các phương, chứ không phải là nói Thiên nhãn ấy có thể trong một lúc lập tức nhìn thấy. Nghĩa là mắt của loài người chỉ có thể nhìn thấy sắc ở trước mặt, muốn nhìn thấy phương khác thì cần phải xoay chuyển cúi xuống-ngước lên mới nhìn thấy; Thiên nhãn thì không như vậy, mặt hướng về một phương tùy theo ý muốn có thể nhìn thấy mà không cần phải xoay chuyển. Vì vậy nói là có thể nhìn thấy các phương trên dưới, chứ không phải là nói trong một lúc mà nhìn thấy mười phương.

Có người đưa ra cách nói này: Ý thanh tịnh cho nên nhìn thấy.

Hỏi: Ý thanh tịnh là Tín, tức là tâm sở pháp tương ứng với tâm, pháp này không phải là Thể của thấy, làm sao có thể nhìn thấy?

Đáp: Đó là dựa vào ý bí mật mà nói đến Ý căn không có gì rồi

loạn. Nghĩa là nếu Ý căn không rong ruổi theo nơi khác, lìa xa những duyên rối loạn, thì có thể khiến cho Nhãn căn nhìn thấy sắc rõ ràng, cho nên đưa ra cách nói này.

Có người đưa ra cách nói này: Thắng giải cho nên nhìn thấy.

Hỏi: Đã nói Thắng giải là tâm sở pháp tương ứng với tâm, pháp này không phải là Thể của thấy, làm sao có thể nhìn thấy?

Đáp: Dựa vào ý thích của Sư Du-già mà an lập, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là Sư Du-già khởi lên ý thích này, khiến cho mình trong một niệm nhìn thấy sắc của mười phương. Nhưng có thể nhìn thấy sắc lại không phải là Thắng giải.

Lại trong luận Thi Thiết đưa ra cách nói như vậy: “Có những người đang tiến vào Định thuộc Biến xứ màu xanh, từ Định ấy đứng lên mà thấy đều là màu xanh. Lại do trải qua thời gian dài ở trong rừng xanh, sau đó ra ngoài đi đến nơi khác mà thấy đều là màu xanh.” Dựa vào đây mà nói là Thắng giải cho nên nhìn thấy.

Có người đưa ra cách nói này: Ngay Nhãn căn của loài người chuyển làm Thiên nhãn, có thể nhìn thấy không ngăn ngại gì.

Đây là do ngoại đạo Số Luận đã lập ra, họ đưa ra cách nói này: Thiên nhãn đã khởi lên tức là mắt của loài người, thường xuyên luyện tập chuyển biến rõ ràng trong sáng hơn trước, lập ra tên gọi là Thiên. Như thực hành trong rừng xanh của vùng Trung Ấn Độ, hoặc là trải qua mười ngày mới đi ra ngoài, do thường xuyên luyện tập mà thay đổi, ngược mắt nhìn đều là màu xanh; lúc tu Thiên nhãn cũng lại như vậy.

Nếu như vậy là người mù sẽ không có thể tu pháp Thiên nhãn thông này, thì cùng với Thánh giáo và sự việc hiện thấy thảy đều trái ngược nhau. Vả lại, pháp Vô thường làm sao chuyển biến, bởi vì tất cả Thiên nhãn đều gọi là Vô đối, các vật như tường đá...không có thể ngăn ngại.

Hỏi: Tất cả Thiên nhãn đối với sắc đã nhìn thấy là có ngăn ngại hay không? Nếu có ngăn ngại thì tại sao nói là Vô đối? Nếu không có ngăn ngại thì làm sao trú vào sắc ấy?

Đáp: Đối với sắc đã nhìn thấy nên nói là có ngăn ngại.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao gọi là Vô đối?

Đáp: Đối có hai loại: 1. Cảnh giới có đối; 2. Chướng ngại có đối. Nếu dựa vào cảnh giới có đối thì Thiên nhãn gọi là có đối, bởi vì đối với cảnh giới của mình không có thể vượt qua được. Nếu dựa vào chướng ngại có đối thì Thiên nhãn gọi là Vô đối, bởi vì những chướng ngại như tường đá... không có thể ngăn ngại được. Đây là dựa theo tác dụng đối

với cảnh mà nói. Nếu dựa theo tự Thể thì cũng là do chướng ngại có đối thâm nhiếp, bởi vì là tánh cực vi. Vả lại, các Thiên nhân ở trong cảnh giới, các Sư Du-già tự tại tùy theo ý muốn, đối với những gì muốn nhìn thấy thì có đối đãi ngăn ngại, những gì không muốn nhìn thấy thì không có đối đãi ngăn ngại.

Tất cả Thiên nhân có ánh sáng tăng mạnh, do ánh sáng mà dẫn dắt.

Hỏi: Lúc Thiên nhân muốn nhìn thấy sắc trong bóng tối thì làm sao có thể nhìn thấy?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đây là do thần thông dẫn dắt phát khởi ánh sáng có thể nhìn thấy sắc ấy. Điều này không hợp lý, bởi vì không đạt được thần thông thì lẽ ra không có thể tu khởi lên Thiên nhân.

Nói như vậy là lúc bắt đầu dẫn đến thần thông, nếu tách lia ánh sáng thì không có thể nhìn thấy sắc, nếu thần thông thành tựu đầy đủ thì giả sử tách lia ánh sáng cũng có thể nhìn thấy sắc.

Hỏi: Thần thông và Thiên nhân đều có ánh sáng, có gì sai biệt?

Đáp: Ánh sáng của thần thông, hoặc là do tự tánh mà có, hoặc là do biến hóa mà có; ánh sáng của Thiên nhân chỉ do tự tánh mà có.

Có người đưa ra cách nói này: Ánh sáng của Thiên nhân, hoặc là do tự tánh mà có, hoặc là do biến hóa mà có; ánh sáng của thần thông chỉ do biến hóa mà có.

Trong các Tổ-đất-lâm và Tỳ-nại-da, đều nói Bồ-tát thành tựu Thiên nhân do dị thực sinh, ngày đêm có thể nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na.

Hỏi: Mắt của Bồ-tát do dị thực sinh mà thành, thật sự không phải là Thiên nhân, vì sao lập ra tên gọi này?

Đáp: Nhãn căn của Bồ-tát có Thể-Dụng thù thắng, như sự việc thù thắng ở thế gian giả lập tên gọi là Thiên.

Hỏi: Các hữu tình khác cũng có thể nhìn thấy vật xa như núi rừng-mặt trời-mặt trăng..., Bồ-tát chỉ nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, vì sao gọi là thù thắng?

Đáp: Như những gì hữu tình đã nhìn thấy, Bồ-tát cũng có thể nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, là dựa theo không có gì ngăn cách mà nói. Nghĩa là ở nơi không có gì ngăn cách thì các hữu tình khác tuy có thể nhìn thấy xa, nhưng nếu ở nơi có ngăn cách thì vật nằm trong bàn tay mình cũng không thể nào nhìn thấy được; Bồ-tát thì không như vậy, nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, nơi có ngăn cách hay không

có ngăn cách đều có thể nhìn thấy rõ ràng.

Lại nữa, những hữu tình khác tuy có thể nhìn thấy xa, nhưng chỉ là thô chứ không phải là tế; Bồ-tát thì không như vậy, bởi vì nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, thậm chí đầu mảy lông cũng có thể nhìn thấy được.

Lại nữa, những hữu tình khác tuy có thể nhìn thấy xa, nhưng chỉ là ban ngày chứ không phải là ban đêm; Bồ-tát thì không như vậy, bởi vì nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, ban ngày hay ban đêm đều nhìn thấy rõ ràng.

Có người nói: Đối với những hữu tình khác đã nhìn thấy có xa-gần, Bồ-tát vượt quá một Du-thiện-na ấy, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Bồ-tát thành tựu mắt thanh tịnh như vậy, thì phải nhìn thấy thân người nữ chứa đầy bất tịnh, tại sao có sự việc của tập khí nhiễm ô?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Phiền não của Bồ-tát chưa đoạn-chưa biết khắp, vì vậy vẫn còn bị vô minh làm cho mê mờ, điều này không cần phải vặn hỏi; như không cần vặn hỏi vì sao người vô minh, người ngu si, người mù lòa bị rơi xuống hố.”

Có người nói: Bồ-tát nhiễm tập khí ấy ở vào lúc không quán Bất tịnh, lúc quán Bất tịnh thì không nhiễm tập khí ấy.

Có người nói: Bồ-tát ở đời trước đã từng gieo trồng nghiệp thọ dụng thù thắng, đối với những gì thọ dụng thì không thấy bất tịnh, đối với những gì không thọ dụng thì thấy bất tịnh.

Nói như vậy là Bồ-tát thành tựu trí tuệ nhanh nhạy sắc bén, khéo léo quán xét sự sai biệt của công đức và lỗi lầm. Thân của những người nữ cũng chứa đựng đầy đủ công đức và lỗi lầm, lúc Bồ-tát quán sát về công đức của thân nữ thì hơn hẳn đối với tất cả những người đam mê dục lạc, nếu đang lúc quán sát về lỗi lầm của thân nữ thì hơn hẳn đối với tất cả những người quán bất tịnh. Quán sát về công đức của thân nữ cho nên có nhiễm tập khí.

Hỏi: Mắt của Chuyển Luân Vương có thể nhìn thấy đến đâu?

Đáp: Luân Vương cai quản bốn châu thì trước mặt đều có thể nhìn thấy bốn Câu-lô-xá, cho đến Luân Vương cai quản một châu thì trước mặt đều có thể nhìn thấy một Câu-lô-xá.

Hỏi: Mắt của quan chủ quản kho tàng có thể nhìn thấy đến đâu?

Đáp: Quan của Luân Vương cai quản bốn châu thì nhìn thấy ba Câu-lô-xá, cho đến quan của Luân Vương cai quản một châu thì nhìn

thấy nửa Câu-lô-xá.

Như trong kinh nói: “Luân Vương có lúc muốn thử xem uy lực của quan chủ quản kho tàng đến mức nào, đi thuyền dạo chơi giữa sông Căng-già, truyền lệnh cho quan chủ quản kho tàng rằng: Nay Ta cần đến kho báu. Quan vâng dạ cung kính, thỉnh cầu trở về lo liệu. Luân Vương không vừa lòng, nói rằng: Ngay bây giờ cần phải lo liệu. Quan chủ quản kho tàng hoảng sợ liền dùng hai tay thọc vào trong nước, lập tức lấy ra các loại châu báu, mang đến để dâng lên Luân Vương, lại thưa với Luân Vương rằng: Thứ nào cần đến thì có thể giữ lấy, thứ nào không cần đến thì vứt trở lại trong nước.”

Hỏi: Nhân căn của Luân Vương hơn hẳn quan chủ quản kho tàng, vì sao không tự mình lấy mà khiến quan chủ quản phải lấy?

Đáp: Pháp của những người tôn quý thù thắng cần phải như vậy; như những người tôn quý khác tuy có người tự biết đồ ăn thức uống-áo quần-vật dụng tiền bạc ở chỗ đó, mà không tự mình lấy, ở đây cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Các vị Chuyển Luân Vương cảm đến nghiệp bề tôi hầu hạ đã tích tập ở đời khác, nghiệp ấy bây giờ chín muồi, có những điều gì cần đến thì đều có bề tôi khiến cho họ cung cấp lo liệu; nếu Luân Vương tự mình lấy thì nghiệp trở thành trống rỗng.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, như thế nào gọi là các vị Chuyển Luân Vương cảm đến nghiệp bề tôi hầu hạ?

Đáp: Cha mẹ và thầy dạy đúng như pháp mà dạy dỗ, cung kính nghe theo không làm trái, đó là nghiệp này. Nếu trước kia đã từng huân tập nghiệp loại như vậy, thì cảm được nhiều bề tôi hầu hạ, những gì mong muốn đều được lo liệu đầy đủ.

Hỏi: Từng nghe nước sông Căng-già có chỗ sâu đến một Du-thiện-na, làm sao tay của quan chủ quản kho tàng đưa đến thấu đáy để lấy các loại châu báu?

Đáp: Bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của Luân Vương, cho nên khiến châu báu dâng lên cao.

Có người nói: Được-xoa, Kiên-đạt-phước...mang đến trao cho.

Có người nói: Luôn luôn có mười ngàn Thiên thần đi theo quan chủ quản kho tàng để cho quan chủ quản sai khiến, những Thiên thần ấy mang đến trao cho.

Hỏi: Vì sao quan chủ quản kho tàng thưa với Luân Vương rằng: Thứ nào không cần đến thì nên vứt trở lại trong nước? Đáp: Bởi vì hiển bày về nghiệp quả của Luân Vương là không nghĩ bàn được, có những

gì cần đến thì ở mọi nơi đều có thể đạt được, không giống như loại khác sợ rằng duyên của thân mạng, sẽ có thiếu thốn mà tích tụ trải qua thời gian dài.

Hỏi: Thiên nhân của Thanh văn-Độc giác và Phật có thể nhìn thấy sắc của mấy thế giới?

Đáp: Thiên nhân của Thanh văn không thực hiện gia hạnh chỉ nhìn thấy Tiểu thiên thế giới, nếu thực hiện gia hạnh thì nhìn thấy Trung thiên thế giới; Thiên nhân của Độc giác không thực hiện gia hạnh chỉ nhìn thấy Trung thiên thế giới, nếu thực hiện gia hạnh thì nhìn thấy Đại thiên thế giới; Thiên nhân của Đức Thế Tôn không thực hiện gia hạnh nhìn thấy Đại thiên thế giới, nếu thực hiện gia hạnh thì có thể nhìn thấy vô lượng vô biên thế giới. Như Thiên nhân thông, Thiên nhĩ thông... cũng như vậy.

Địa ngục thành tựu mấy căn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói đến phần vị thành tựu nhiều nhất và ít nhất chứ không phải là phần vị khác?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Muốn loại trừ lỗi tạp loạn của văn, nghĩa là nếu nói đầy đủ tất cả phần vị, thì đối với văn tạp loạn khó có thể thọ trì, cho nên dựa vào giới hạn nhiều-ít mà nói.

Hỏi: Địa ngục thành tựu mấy căn? Bằng sinh cho đến các địa Vô sắc, Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát thành tựu mấy căn?

Đáp: Địa ngục nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, đó là trừ ra ba căn Vô lậu, tức là người không đoạn căn thiện, có đủ bảy Sắc căn. Tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn, tức là người đã đoạn căn thiện, mất đi sáu Sắc căn.

Bằng sinh nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn, đó là trừ ra ba căn Vô lậu, tức là người có đủ bảy Sắc căn. Mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-năm Thọ và năm căn như Tín..., tức là người từ từ mạng chung trước tiên rời bỏ sáu Sắc căn.

Như nói về bằng sinh, loài quỷ cũng như vậy.

Người đoạn căn thiện nhiều nhất là mười ba căn, ít nhất là tám căn. Mười ba căn, đó là trừ ra một hình thể và năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu. Tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn, tức là người từ từ mạng chung và ở địa ngục đã mất đi sáu Sắc căn.

Tụ Tà định nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, nói như nhiều nhất của địa ngục. Tám căn, nói như ít nhất của

đoạn căn thiện, trừ ra ở địa ngục mất đi sáu Sắc căn.

Tụ Chánh định nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục và căn không khuyết. Mười một căn, đó là Mạng-Ý-ba Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Tụ Bất định nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, nói như nhiều nhất của tụ Tà định. Tám căn, nói như ít nhất của đoạn căn thiện, và dị sinh sinh ở cõi Vô sắc thành tựu Mạng-Ý-Xả-năm căn như Tín...

Châu Thiệm bộ nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, đó là hai hình thể trừ ra ba căn Vô lậu, và Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục trừ ra một hình thể-hai căn Vô lậu. Tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn, tức là người đoạn căn thiện ở phần vị từ từ mạng chung.

Như châu Thiệm bộ, châu Tỳ-đề-ha và châu Cù-đà-ni cũng như vậy.

Châu Câu-lô nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười ba căn. Mười tám căn, đó là trừ ra một hình thể và ba căn Vô lậu. Mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-năm Thọ và năm căn như Tín..., tức là phần vị từ từ mạng chung. Châu ấy không có Phiến-trĩ-bán-trạch-ca, không có hình thể, hai hình thể, người đoạn căn thiện, tụ Tà định, tụ Chánh định và lìa nhiễm.

Cõi trời Tứ Đại Vương Chúng nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười bảy căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục. Mười bảy căn, đó là trừ ra một hình thể-Uu căn và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh đã lìa nhiễm cõi Dục.

Như cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, cõi trời Tam Thập Tam cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng như vậy.

Cõi trời Phạm Chúng nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười lăm căn. Mười sáu căn, đó là trừ ra hai hình thể-hai Thọ và hai căn Vô lậu, tức là Thánh giả ở cõi ấy. Mười lăm căn, đó là trừ ra hai hình thể-hai Thọ và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh ở cõi ấy.

Như cõi trời Phạm Chúng, cõi trời Cực Quang Tịnh cũng như vậy.

Cõi trời Biến Tịnh nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười bốn căn. Mười sáu căn nói như trước. Mười bốn căn, đó là trừ ra hai hình

thể-ba Thọ và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh ở cõi ấy.

Cõi trời Quảng Quả nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười ba căn. Mười sáu căn nói như trước. Mười ba căn, đó là trừ ra hai hình thể-bốn Thọ và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh ở cõi ấy.

Trung Hữu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn, đó là người hai hình thể trừ ra ba căn Vô lậu, và Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục, trừ ra một hình thể-hai căn Vô lậu. Mười ba căn, đó là người đoạn căn thiện, trừ ra một hình thể-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, và dị sinh cõi trời Quảng Quả, trừ ra hai hình thể-bốn Thọ-ba căn Vô lậu.

Các địa Vô sắc nhiều nhất là mười một căn, ít nhất là tám căn. Mười một căn, đó là Mạng-Ý-ba Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là Thánh giả ở địa ấy. Tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín..., tức là dị sinh ở địa ấy.

Tùy tín hành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là người chưa lìa nhiễm cõi Dục trú vào Kiến đạo. Mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-bốn Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là người đã lìa nhiễm cõi Dục ở phần vị từ từ mạng chung tiến vào Kiến đạo.

Hỏi: Vì sao phần vị này có thể tiến vào Kiến đạo?

Đáp: Là người thuộc Ái hành, trong thời gian một đời luôn luôn chán ngán sinh tử, lúc sắp mạng chung do tiếp xúc với Khổ thọ, tâm chán ngán càng tăng thêm cho nên có thể tiến vào Kiến đạo.

Như Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng như vậy.

Tín thắng giải nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là Tín thắng giải chưa lìa nhiễm cõi Dục. Mười một căn, đó là Mạng-Ý-ba Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là Tín thắng giải ở cõi Vô sắc.

Như Tín thắng giải, Kiến chí cũng như vậy.

Thân chứng nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười một căn. Mười tám căn, đó là trừ ra một hình thể-Uu căn và hai căn Vô lậu, tức là Thân chứng ở cõi Dục. Mười một căn, nói như ít nhất của Tín thắng giải.

Như Thân chứng, Tuệ giải thoát và Câu giải thoát cũng như vậy, nhưng Thân chứng thành tựu Dĩ tri căn, hai Giải thoát thành tựu Cụ tri căn.

Hỏi: Nhân căn cho đến Tuệ căn, lúc được biết khắp thì mấy căn

được biết khắp?

Đáp: Lúc Nhân căn biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Sắc có năm căn được biết khắp.

Trong này, biết khắp là quả biết khắp về Đoạn Ái kia. Được biết khắp gọi là năm căn, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân, bởi vì lúc lìa nhiễm cõi Sắc thì năm căn ấy vĩnh viễn đoạn. Tuy ở phần vị này đoạn mười ba căn, nhưng chỉ có năm căn này được đoạn đến cuối cùng.

Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Lúc Nữ căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Dục có bốn căn được biết khắp, đó là Nam-Nữ-Khổ-Uu căn. Tuy ở phần vị này đoạn mười chín căn, nhưng chỉ có bốn căn này được đoạn đến cuối cùng.

Như Nữ căn, Nam căn-Khổ căn-Uu căn cũng như vậy.

Lúc Mạng căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Vô sắc có tám căn được biết khắp, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín...

Như Mạng căn, Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... cũng như vậy.

Lúc Lạc căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Biến Tịnh thì Lạc căn được biết khắp.

Lúc Hỷ căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Cực Quang Tịnh thì Hỷ căn được biết khắp.

Hỏi: Nhân căn cho đến Tuệ căn, lúc Diệt tác chứng thì mấy căn Diệt tác chứng?

Đáp: Lúc Nhân căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Sắc có năm căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng. Năm căn, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn. Mười chín căn, đó là trừ ra ba căn Vô lậu.

Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Lúc Nữ căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Dục có bốn căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng. Bốn căn, đó là Nam-Nữ-Khổ-Uu căn. Mười chín căn, nói như trước.

Như Nữ căn, Nam căn-Khổ căn-Uu căn cũng như vậy.

Lúc Mạng căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng, nói như trước. Như Mạng căn, Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... cũng như vậy.

Lúc Lạc căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Biến Tịnh thì Lạc căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng, nói như trước.

Lúc Hỷ căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Cực Quang Tịnh thì

Hỷ căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng, nói như trước.

Hỏi: Hai phần này có gì sai biệt?

Đáp: Có những người muốn làm cho đạo vô gián đạt được đoạn hệ thuộc (đoạn hệ đắc), đạo giải thoát chứng được lìa hệ thuộc (ly hệ đắc), họ nói như tác dụng của đạo vô gián, phần Biết khắp cũng như vậy; như tác dụng của đạo giải thoát, phần Tác chứng cũng như vậy.

Có những người muốn làm cho đạo vô gián đạt được đoạn hệ thuộc, cũng chứng được lìa hệ thuộc, họ nói như đạt được đoạn hệ thuộc, phần Biết khắp cũng như vậy; như chứng được lìa hệ thuộc, phần Tác chứng cũng như vậy.

Như đạt được đoạn hệ thuộc-chứng được lìa hệ thuộc, trừ bỏ lỗi lầm-tu tập công đức, rời bỏ xấu kém-chứng được tuyệt vời, buông bỏ vô nghĩa-đạt được có nghĩa, khô cạn dầu mỡ của ái-tiếp nhận niềm vui mát mẻ, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Như đoạn-chưa đoạn, phần đầu cũng như vậy; như chứng-chưa chứng, phần sau cũng như vậy.

Có người nói: Như lần đầu Tác chứng, phần đầu cũng như vậy; như trở lại Tác chứng, phần sau cũng như vậy.

Có người nói: Như đoạn thì Tác chứng, phần đầu cũng như vậy; như đoạn rồi Tác chứng, phần sau cũng như vậy.

Đó gọi là sự sai biệt giữa Biết khắp và Tác chứng.

